

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
CÔNG TY CỔ PHẦN BAMBOO CAPITAL
Cho giai đoạn 06 tháng đầu năm 2020
đã được soát xét



Được soát xét bởi

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM (AASCS)
Địa chỉ: 29 Võ Thị Sáu, Phường ĐaKao, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh - Tel: 028.38205944 - Fax: 028.38205942

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	03 - 07
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	08
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
- Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ	09 - 10
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ	11
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ	12 - 13
- Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	14 - 43



BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Bamboo Capital (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho giai đoạn 06 tháng đầu năm 2020.

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Bamboo Capital là Công ty Cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0311315789 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 07/11/2011 và thay đổi lần thứ 18 ngày 30/05/2019.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là: 1.080.057.600.000 VND.

Vốn góp của Công ty tại ngày 30/06/2020: 1.080.057.600.000 VND.

Trụ sở chính của Công ty tại Lầu 14, Vincom Center, 72 Lê Thánh Tôn, P. Bến Nghé, Q.1, TP.HCM.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Thương mại, dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động tư vấn quản lý (trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp luật). Hoạt động tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp luật). Đại lý, môi giới (trừ môi giới bất động sản). Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại. Lắp đặt hệ thống xây dựng khác (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở). Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Lập trình máy vi tính. Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính. Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính. Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi. Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động khác liên quan. Thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp. Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống. Bán buôn cao su mủ côm, phân bón (không hoạt động tại trụ sở). Bán buôn phân bón, thuốc trừ sâu và hóa chất sử dụng trong nông nghiệp. Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản. Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác. Bán mô tô, xe máy. Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy. Cho thuê ô tô. Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở). Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ. Xây dựng nhà các loại. Xây dựng công trình công ích. Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chuẩn bị mặt bằng. Lắp đặt hệ thống xây dựng khác. Hoàn thiện công trình xây dựng. Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác. Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt. Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét. Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác. Sản xuất thảm, chăn, đệm. Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép. Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác. Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống). Đại lý ô tô và xe có động cơ khác. Bán buôn thực phẩm. Sản xuất, truyền tải và phân phối điện. Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Khai thác gỗ. Cửa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ. Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác. Sản xuất đồ gỗ xây dựng. Bán lẻ phân bón. Khai thác quặng sắt. Khai thác quặng uranium và quặng thorium.

4. Mô hình hoạt động của doanh nghiệp

Tại ngày 30/06/2020, Công ty Cổ phần Bamboo Capital có 01 (một) văn phòng đại diện, 05 (năm) Công ty con kiểm soát trực tiếp và 17 (mười bảy) Công ty con kiểm soát gián tiếp thông qua Công ty con. Ngoài ra, Công ty có 03 (ba) Công ty liên kết kiểm soát trực tiếp và 10 (mười) Công ty liên kết kiểm soát gián tiếp thông qua Công ty con. Danh sách cụ thể như sau:

4.1. Danh sách văn phòng đại diện

Tên	Địa chỉ
Văn phòng đại diện Công ty CP Bamboo Capital tại TP. Hà Nội	Tầng 19, Tòa nhà Thăng Long, 98 Nguyễn Như Kon Tum, phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội



4.2. Danh sách Công ty con trực tiếp

Tên	Địa chỉ	Tỷ lệ kiểm soát	Tỷ lệ lợi ích
Công ty CP Đầu tư Phát triển Công nghiệp và Vận tải	89 Cách Mạng Tháng Tám, Phường Bến Thành, Quận 1, TP.HCM	52,84%	52,84%
Công ty CP Phát triển Nguyễn Hoàng	Khu TTCN Nhơn Hòa, P. Nhơn Hòa, TX An Nhơn, Bình Định	69,83%	67,38%
Công ty CP BCG Land	Tầng 14, Tòa nhà Vincom, 72 Lê Thánh Tôn, P. Bến Nghé, Quận 1, TP.HCM	99,52%	82,21%
Công ty TNHH Indochina Hội An Beach Villas	Khối 1, Phường Điện Dương, Thị xã Điện Bàn, Quảng Nam	89,00%	89,00%
Công ty CP BCG Energy	L14-08B, Tòa nhà Vincom, 72 Lê Thánh Tôn, P Bến Nghé, Quận 1, TP.HCM	99,00%	99,00%

4.3. Danh sách Công ty con kiểm soát gián tiếp

Tên	Địa chỉ	Tỷ lệ kiểm soát	Tỷ lệ lợi ích
Công ty Liên doanh Khai thác và Chế biến VLXD An Giang	Áp Rò Leng, Xã Châu Lăng, Huyện Tri Tôn, An Giang	51,00%	26,95%
Công ty CP Xuất khẩu Lao động Tracodi	89 Cách Mạng Tháng Tám, Phường Bến Thành, Quận 1, TP.HCM	70,00%	36,99%
Công ty TNHH Du lịch Casa Marina Resort	Quốc lộ 1D, Khu phố 1, Bãi Xếp, Phường Ghềnh Ráng, Quy Nhơn, Bình Định	100,00%	67,38%
Công ty CP Sản xuất Kinh doanh Phân bón Vinacafe	Lô D9-10 Cụm Công nghiệp EaĐar, Huyện Eakar, Đắk Lắk	98,00%	66,03%
Công ty CP Thành Phúc	Lô D4, D5, D9, D10 – KCN Đông Bắc Sông Cầu, TX Sông Cầu, Phú Yên	95,00%	64,01%
Công ty CP BCG Wind Sóc Trăng	Hẻm 1, Đường TL 934, Ấp Hòa Mỹ, Thị trấn Mỹ Xuyên, Huyện Mỹ Xuyên, Tỉnh Sóc Trăng	90,00%	89,10%
Công ty CP Tapiotek	Tổ 7, Khu phố 4, Thị trấn Châu Thành, Huyện Châu Thành, Tỉnh Tây Ninh	70,00%	36,99%
Công ty CP Năng lượng BCG Thạnh Hóa	31 Đường số 10, Ấp 4 Khu Dân cư Nam Long, Xã An Thạnh, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An	90,00%	89,10%
Công ty TNHH Pegas	L14-08B, Tòa nhà Vincom, 72 Lê Thánh Tôn, P Bến Nghé, Quận 1, TP.HCM	100,00%	82,21%
Công ty CP Nông thôn Việt Energy	Tầng 14, Tòa nhà Vincom, 72 Lê Thánh Tôn, P Bến Nghé, Quận 1, TP.HCM	60,00%	55,25%
Công ty TNHH Đầu tư và Xây dựng Friends	Tầng 14, L14-08B, Tòa Nhà VinCom, Số 72 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP.HCM	100,00%	82,21%
Công ty CP Tracodi Trading & Consulting	89 Cách Mạng Tháng Tám, Phường Bến Thành, Quận 1, TP.HCM	55,00%	29,06%

4.3. Danh sách Công ty con kiểm soát gián tiếp (tiếp theo)

Tên	Địa chỉ	Tỷ lệ kiểm soát	Tỷ lệ lợi ích
Công ty CP Skylar	Tầng 14, L14-08A, Tòa Nhà VinCom, Số 72 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP.HCM	99,00%	98,01%
Công ty CP Phát triển Tầm nhìn Năng Lượng Sạch	Quốc lộ 1A, Thôn Bình Long, Xã Mỹ Hiệp, Huyện Phù Mỹ, Tỉnh Bình Định	85,00%	84,15%
Công ty CP Apollo Development	Tầng 14-08A, Tòa Nhà VinCom, Số 72 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP.HCM	69,00%	67,63%
Công ty CP Greensky Infnitive	27C Quốc Hương, Phường Thảo Điền, Quận 2, TP.HCM	74,90%	73,41%
Công ty TNHH BCG Evergreen	1/10 Ngô Văn Trị, khu phố 2, phường Phú Lợi, Tp. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương	69,00%	67,63%

4.4. Danh sách các Công ty liên doanh, liên kết kiểm soát trực tiếp

Tên	Địa chỉ	Tỷ lệ kiểm soát	Tỷ lệ lợi ích
Công ty CP Aussino Highland Agriculture	L14-08B, Tòa nhà Vincom, 72 Lê Thánh Tôn, P Bến Nghé, Quận 1, TP.HCM	49,00%	49,00%
Công ty TNHH B.O.T ĐT 830	90 Đường số 10, Ấp 4, KDC Nam Long, Xã An Thạnh, Bến Lức, Long An	48,00%	48,00%
Công ty CP Năng lượng BCG Băng Dương	31 Đường số 10, ấp 4, Khu Dân Cư Nam Long, Xã An Thạnh, Huyện Bến Lức, Long An	37,50%	29,91%

4.5. Danh sách các Công ty liên doanh, liên kết kiểm soát gián tiếp

Tên	Địa chỉ	Tỷ lệ kiểm soát	Tỷ lệ lợi ích
Công ty Taxi Việt Nam (Vina Taxi)	Lô IV - 15B đường số 4, KCN Tân Bình, P. Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP.HCM	30,00%	15,85%
Công ty TNHH Skylight Power	Tầng 14, Tòa nhà Vincom, 72 Lê Thánh Tôn, P. Bến Nghé, Q.1, TP.HCM	50,00%	49,50%
Công ty CP White Magnolia	89 Cách Mạng Tháng 8, Phường Bến Thành, Quận 1, TP.HCM	40,00%	21,14%
Công ty CP Năng lượng Hanwha - BCG Băng Dương	90 Đường số 10, ấp 4, KDC Nam Long, Xã An Thạnh, Huyện Bến Lức, Long An	32,48%	32,16%
Công ty CP Sao Sáng Sài Gòn	L14-08B, Tòa nhà Vincom, 72 Lê Thánh Tôn, P. Bến Nghé, Q.1, TP.HCM	48,50%	39,87%
Công ty CP Năng lượng Dương Phong	Văn phòng 02, tầng 10, tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, TP.HCM	50,00%	49,50%
Công ty TNHH Du lịch Sinh Thái Côn Bắp	Côn Bắp, Phường Cẩm Nam, Thành phố Hội An, Tỉnh Quảng Nam	35,10%	28,86%
Công ty CP Khai thác Khoáng sản Bắc Hà	Thôn Nà Pán I, Xã Vũ Sơn, Huyện Bắc Sơn, Tỉnh Lạng Sơn	43,85%	29,55%
Công ty CP BCG Land Gateway	Tầng 14, L14-08A, Tòa Nhà VinCom, Số 72 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP.HCM	45,00%	37,00%
Công ty Cổ phần 3K Plus Việt Nam	43 Phan Bội Châu, Phường Thạch Thang, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng	20,00%	10,57%

5. Kết quả hoạt động

Kết quả hoạt động kinh doanh giai đoạn 6 tháng đầu năm 2020 và tình hình tài chính tại ngày 30/06/2020 của Công ty được thể hiện trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm.

6. Các sự kiện sau ngày khoá sổ kế toán lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính giữa niên độ.

7. Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát và Đại diện theo Pháp luật

Hội đồng Quản trị

Ông	Nguyễn Hồ Nam	Chủ tịch
Ông	Nguyễn Thế Tài	Phó Chủ tịch - Tổng Giám Đốc
Ông	Nguyễn Thanh Hùng	Phó Chủ tịch - Phó Tổng Giám Đốc
Ông	Phạm Minh Tuấn	Phó Chủ tịch - Phó Tổng Giám Đốc
Ông	Nguyễn Quốc Khánh	Thành viên HĐQT
Ông	Bùi Thành Lâm	Thành viên HĐQT
Ông	Anthony Lim	Thành viên HĐQT
Ông	Khuất Tuấn Anh	Thành viên HĐQT (bổ nhiệm ngày 27/06/2020)
Ông	Phạm Nguyễn Thiên Chương	Thành viên HĐQT (bổ nhiệm ngày 27/06/2020)

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Ông	Nguyễn Thế Tài	Tổng Giám đốc
Ông	Nguyễn Thanh Hùng	Phó Tổng Giám đốc
Ông	Phạm Minh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc
Bà	Hoàng Thị Minh Châu	Giám đốc tài chính - Kế toán trưởng

Ban Kiểm soát

Ông	Đình Hoài Châu	Trưởng ban
Ông	Nguyễn Việt Cương	Thành viên
Ông	Kou Kok Yiow	Thành viên

Đại diện theo pháp luật

Ông	Nguyễn Hồ Nam	Đại diện pháp luật
-----	---------------	--------------------

8. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) đã thực hiện soát xét các báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho Công ty.

9. Công bố trách nhiệm của Hội đồng Quản trị với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Hội đồng Quản trị Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, Hội đồng Quản trị Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ mà Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không còn chứa đựng sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;



- Xây dựng và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ mà Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không còn chứa đựng sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Các chuẩn mực kế toán đang áp dụng được Công ty tuân thủ, không có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Hội đồng Quản trị Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Hội đồng Quản trị Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 30 tháng 06 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn tài chính 06 tháng đầu năm 2020, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Cam kết khác

Hội đồng Quản trị cam kết Công ty đã tuân thủ nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 do Bộ Tài Chính ban hành về hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Lập, ngày 25 tháng 08 năm 2020

TM. Hội đồng Quản trị

Chủ tịch HĐQT - Đại diện pháp luật



Nguyễn Hồ Nam

Số : 638 /BCSX/TC/2020/AASCS

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN BAMBOO CAPITAL

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn 06 tháng đầu năm 2020, kết thúc tại ngày 30/06/2020 kèm theo của Công ty Cổ phần Bamboo Capital, được lập ngày 03/08/2020, từ trang 09 đến trang 43, bao gồm Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ tại ngày 30/06/2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho giai đoạn tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Trách nhiệm của Hội đồng Quản trị

Hội đồng Quản trị Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Hội đồng Quản trị xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Bamboo Capital tại ngày 30/06/2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2020 kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Lập, ngày 25 tháng 08 năm 2020

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính
Kế toán và Kiểm toán Phía Nam

Phó Tổng Giám đốc



Đỗ Khắc Thanh

Số giấy CNĐKHN kiểm toán: 0064-2018-142-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2020

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Ngày 30/06/2020	Ngày 01/01/2020
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		602.013.677.589	117.019.596.240
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	9.548.798.626	10.985.162.573
1. Tiền	111		648.798.626	2.085.162.573
2. Các khoản tương đương tiền	112		8.900.000.000	8.900.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.04	980.000.000	980.000.000
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		980.000.000	980.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		588.026.119.837	100.473.252.219
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.02	300.562.111.988	86.326.904.729
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.03	4.628.971.433	3.373.761.892
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.05	3.500.000.000	3.500.000.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.06	279.335.036.416	7.272.585.598
IV. Hàng tồn kho	140		2.449.040.900	3.579.518.200
1. Hàng tồn kho	141	V.07	2.449.040.900	3.579.518.200
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.009.718.226	1.001.663.248
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.009.718.226	1.001.663.248
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		3.552.924.071.890	2.860.237.264.151
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		45.600.827.373	15.600.827.373
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.06	45.600.827.373	15.600.827.373
II. Tài sản cố định	220		2.326.438.421	1.020.557.199
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	2.326.438.421	1.020.557.199
- Nguyên giá	222		5.733.447.473	4.153.095.109
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(3.407.009.052)	(3.132.537.910)
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		535.500.000	535.500.000
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		535.500.000	535.500.000
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.04	3.503.345.513.903	2.841.345.513.903
1. Đầu tư vào công ty con	251		3.319.350.896.196	2.657.350.896.196
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		182.804.000.000	182.804.000.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		529.156.293	529.156.293
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(508.538.586)	(508.538.586)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		1.170.000.000	1.170.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		1.115.792.193	1.734.865.676
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.09	1.115.792.193	1.734.865.676
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		4.154.937.749.479	2.977.256.860.391

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2020

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Ngày 30/06/2020	Ngày 01/01/2020
A . NỢ PHẢI TRẢ	300		2.894.828.039.073	1.751.286.404.778
I. Nợ ngắn hạn	310		1.338.512.517.723	1.110.743.733.428
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	1.156.997.609.755	9.148.587.237
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		-	196.000.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	13.692.905.997	25.047.441.515
4. Phải trả người lao động	314		825.047.387	644.724.319
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.14	9.724.494.463	170.562.526.140
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15	123.671.058.694	8.863.877.854
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.10	33.601.401.427	896.280.576.363
II. Nợ dài hạn	330		1.556.315.521.350	640.542.671.350
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.15	81.150.000.000	81.150.000.000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.10	295.165.521.350	279.392.671.350
9. Trái phiếu chuyển đổi	339	V.11	1.180.000.000.000	280.000.000.000
B . VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.260.109.710.406	1.225.970.455.613
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.16	1.260.109.710.406	1.225.970.455.613
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		1.080.057.600.000	1.080.057.600.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		1.080.057.600.000	1.080.057.600.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		(165.000.000)	(165.000.000)
11. Lợi nhuận chưa phân phối	421		180.217.110.406	146.077.855.613
- Lợi nhuận chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		146.077.855.613	36.328.689.817
- Lợi nhuận chưa phân phối kỳ này	421b		34.139.254.793	109.749.165.796
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		4.154.937.749.479	2.977.256.860.391

Người lập biểu



Lê Tri Hoàng Uyên

Kế toán trưởng



Hoàng Thị Minh Châu

Lập, ngày 03 tháng 08 năm 2020

Đại diện pháp luật



Nguyễn Hồ Nam

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho giai đoạn 06 tháng đầu năm 2020

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020	Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	32.735.354.760	44.707.574.860
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		32.735.354.760	44.707.574.860
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.02	18.055.774.510	17.343.618.982
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		14.679.580.250	27.363.955.878
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	92.826.694.790	135.493.965.387
7. Chi phí tài chính	22	VI.04	53.760.822.528	66.655.779.492
+ Trong đó: chi phí lãi vay	23		52.987.222.528	66.525.282.118
8. Chi phí bán hàng	25	VI.05	-	41.683.787
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.05	11.071.384.021	10.212.740.063
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		42.674.068.491	85.947.717.923
11. Thu nhập khác	31	VI.06	-	617.979.788
12. Chi phí khác	32	VI.07	-	13.803.009
13. Lợi nhuận khác	40		-	604.176.779
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		42.674.068.491	86.551.894.702
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.09	8.534.813.698	17.310.378.941
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		34.139.254.793	69.241.515.761

Lập, ngày 03 tháng 08 năm 2020

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Đại diện pháp luật



Lê Trí Hoàng Uyên



Hoàng Thị Minh Châu



Nguyễn Hồ Nam

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)
 Cho giai đoạn 06 tháng đầu năm 2020

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020	Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		42.674.068.491	86.551.894.702
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		274.471.142	522.072.684
- (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(92.823.244.788)	(136.077.520.106)
- Chi phí lãi vay	06		52.987.222.528	66.525.282.118
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		3.112.517.373	17.521.729.398
- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	09		(301.489.776.552)	91.094.725.950
- (Tăng)/giảm hàng tồn kho	10		1.130.477.300	4.119.106.800
- Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		110.869.090.869	252.320.194.943
- (Tăng)/giảm chi phí trả trước	12		619.073.483	621.874.867
- (Tăng)/giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(213.825.254.205)	(22.597.182.899)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(19.917.913.659)	(1.009.882.749)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(419.501.785.391)	342.070.566.310
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(1.580.352.364)	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	1.436.363.637
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(1.064.200.000.000)	(652.336.292.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		1.398.444.400.000	309.439.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		32.307.698.744	1.059.540.318
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		364.971.746.380	(340.401.388.045)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
3. Tiền thu từ đi vay	33		945.219.891.600	99.079.299.724
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(892.126.216.536)	(101.521.220.921)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		53.093.675.064	(2.441.921.197)



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho giai đoạn 06 tháng đầu năm 2020

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020	Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(1.436.363.947)	(772.742.932)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		10.985.162.573	11.346.197.673
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	VII	9.548.798.626	10.573.454.741

Người lập biểu

Lê Trí Hoàng Uyên

Kế toán trưởng

Hoàng Thị Minh Châu

Lập, ngày 03 tháng 08 năm 2020

Đại diện pháp luật



Nguyễn Hồ Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho giai đoạn 06 tháng đầu năm 2020

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Bamboo Capital là Công ty Cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0311315789 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 07/11/2011 và thay đổi lần thứ 18 ngày 30/05/2019.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là: 1.080.057.600.000 VND

Vốn góp của Công ty tại ngày 30/06/2020: 1.080.057.600.000 VND

Trụ sở chính của Công ty tại Lầu 14, Vincom Center, 72 Lê Thánh Tôn, P. Bến Nghé, Q.1, TP.HCM.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Thương mại, dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động tư vấn quản lý (trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp luật). Hoạt động tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp luật). Đại lý, môi giới (trừ môi giới bất động sản). Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại. Lắp đặt hệ thống xây dựng khác (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở). Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Lắp trình máy vi tính. Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính. Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính. Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi. Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động khác liên quan. Thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp. Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống. Bán buôn cao su mủ côm, phân bón (không hoạt động tại trụ sở). Bán buôn phân bón, thuốc trừ sâu và hóa chất sử dụng trong nông nghiệp. Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản. Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác. Bán mô tô, xe máy. Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy. Cho thuê ô tô. Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở). Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ. Xây dựng nhà các loại. Xây dựng công trình công ích. Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chuẩn bị mặt bằng. Lắp đặt hệ thống xây dựng khác. Hoàn thiện công trình xây dựng. Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác. Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt. Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét. Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác. Sản xuất thảm, chăn, đệm. Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép. Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác. Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống). Đại lý ô tô và xe có động cơ khác. Bán buôn thực phẩm. Sản xuất, truyền tải và phân phối điện. Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Khai thác gỗ. Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ. Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác. Sản xuất đồ gỗ xây dựng. Bán lẻ phân bón. Khai thác quặng sắt. Khai thác quặng uranium và quặng thorium.

4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường: 12 tháng

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính: Không có.

6. Cấu trúc Công ty

Tại ngày 30/06/2020, Công ty Cổ phần Bamboo Capital có 01 (một) văn phòng đại diện, 05 (năm) Công ty con kiểm soát trực tiếp và 17 (mười bảy) Công ty con kiểm soát gián tiếp thông qua Công ty con. Ngoài ra, Công ty có 03 (ba) Công ty liên kết kiểm soát trực tiếp và 10 (mười) Công ty liên kết kiểm soát gián tiếp thông qua Công ty con. Danh sách cụ thể như sau:



a. Danh sách văn phòng đại diện

Tên	Địa chỉ
Văn phòng đại diện Công ty CP Bamboo Capital tại TP. Hà Nội	Tầng 19, Tòa nhà Thăng Long, 98 Ngụy Như Kon Tum, phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội

b. Danh sách các Công ty con trực tiếp

Tên Công ty	Địa chỉ
Công ty CP Đầu tư Phát triển Công nghiệp và Vận tải	89 Cách Mạng Tháng Tám, Phường Bến Thành, Quận 1, TP.HCM
Công ty CP Phát triển Nguyễn Hoàng	Khu TTCN Nhơn Hòa, P. Nhơn Hòa, TX An Nhơn, Bình Định
Công ty CP BCG Land	Tầng 14, Tòa nhà Vincom, 72 Lê Thánh Tôn, P. Bến Nghé, Quận 1, TP.HCM
Công ty TNHH Indochina Hội An Beach Villas	Khối 1, Phường Điện Dương, Thị xã Điện Bàn, Quảng Nam
Công ty CP BCG Energy	L14-08B, Tòa nhà Vincom, 72 Lê Thánh Tôn, P Bến Nghé, Quận 1, TP.HCM

c. Danh sách các Công ty con gián tiếp

Tên Công ty	Địa chỉ
Công ty Liên doanh Khai thác và Chế biến VLXD An Giang	Ấp Rò Leng, Xã Châu Lăng, Huyện Tri Tôn, An Giang
Công ty CP Xuất khẩu Lao động Tracodi	89 Cách Mạng Tháng Tám, Phường Bến Thành, Quận 1, TP.HCM
Công ty TNHH Du lịch Casa Marina Resort	Quốc lộ 1D, Khu phố 1, Bãi Xếp, Phường Ghềnh Ráng, Quy Nhơn, Bình Định
Công ty CP Sản xuất Kinh doanh Phân bón Vinacafe	Lô D9-10 Cụm Công nghiệp EaĐar, Huyện Eakar, Đắk Lắk
Công ty CP Thành Phúc	Lô D4, D5, D9, D10 – KCN Đông Bắc Sông Cầu, TX Sông Cầu, Phú Yên
Công ty CP BCG Wind Sóc Trăng	Hẻm 1, Đường TL 934, Ấp Hòa Mỹ, Thị trấn Mỹ Xuyên, Huyện Mỹ Xuyên, Tỉnh Sóc Trăng
Công ty CP Tapiotek	Tổ 7, Khu phố 4, Thị trấn Châu Thành, Huyện Châu Thành, Tỉnh Tây Ninh
Công ty CP Năng lượng BCG Thạnh Hóa	31 Đường số 10, Ấp 4 Khu Dân cư Nam Long, Xã An Thạnh, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An
Công ty TNHH Pegas	L14-08B, Tòa nhà Vincom, 72 Lê Thánh Tôn, P Bến Nghé, Quận 1, TP.HCM



c. Danh sách các Công ty con gián tiếp (tiếp theo)

Tên Công ty	Địa chỉ
Công ty CP Nông thôn Việt Energy	Tầng 14, Tòa nhà Vincom, 72 Lê Thánh Tôn, P Bến Nghé, Quận 1, TP.HCM
Công ty TNHH Đầu tư và Xây dựng Friends	Tầng 14, L14-08B, Tòa Nhà VinCom, Số 72 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP.HCM
Công ty CP Tracodi Trading & Consulting	89 Cách Mạng Tháng Tám, Phường Bến Thành, Quận 1, TP.HCM
Công ty CP Skylar	Tầng 14, L14-08B, Tòa Nhà VinCom, Số 72 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP.HCM
Công ty CP Phát triển Tầm nhìn Năng Lượng Sạch	Quốc lộ 1A, Thôn Bình Long, Xã Mỹ Hiệp, Huyện Phù Mỹ, Tỉnh Bình Định
Công ty CP Apollo Development	Tầng 14-08A, Tòa Nhà VinCom, Số 72 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP.HCM
Công ty CP Greensky Infinitive	27C Quốc Hương, Phường Thảo Điền, Quận 2, TP.HCM
Công ty TNHH BCG Evergreen	1/10 Ngô Văn Trị, khu phố 2, phường Phú Lợi, Tp. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

d. Danh sách các Công ty liên doanh, liên kết kiểm soát trực tiếp

Tên Công ty	Địa chỉ
Công ty CP Aussino Highland Agriculture	L14-08B, Tòa nhà Vincom, 72 Lê Thánh Tôn, P Bến Nghé, Quận 1, TP.HCM
Công ty TNHH B.O.T ĐT 830	90 Đường số 10, Ấp 4, KDC Nam Long, Xã An Thạnh, Bến Lức, Long An
Công ty CP Năng lượng BCG Băng Dương	31 Đường số 10, ấp 4, Khu Dân Cư Nam Long, Xã An Thạnh, Huyện Bến Lức, Long An

e. Danh sách các Công ty liên doanh, liên kết kiểm soát gián tiếp thông qua công ty con

Tên Công ty	Địa chỉ
Công ty Taxi Việt Nam (Vina Taxi)	Lô IV - 15B đường số 4, KCN Tân Bình, P. Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP.HCM
Công ty TNHH Skylight Power	Tầng 14, Tòa nhà Vincom, 72 Lê Thánh Tôn, P. Bến Nghé, Q.1, TP.HCM
Công ty CP White Magnolia	89 Các Mạng Tháng 8, Phường Bến Thành, Quận 1, TP.HCM
Công ty CP Năng lượng Hanwha - BCG Băng Dương	90 Đường số 10, ấp 4, KDC Nam Long, Xã An Thạnh, Huyện Bến Lức, Long An
Công ty CP Sao Sáng Sài Gòn	L14-08B, Tòa nhà Vincom, 72 Lê Thánh Tôn, P. Bến Nghé, Q.1, TP.HCM
Công ty CP Năng lượng Dương Phong	Văn phòng 02, tầng 10, tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, TP.HCM
Công ty TNHH Du lịch Sinh Thái Côn Bắp	Côn Bắp, Phường Cẩm Nam, Thành phố Hội An, Tỉnh Quảng Nam
Công ty CP Khai thác Khoáng sản Bắc Hà	Thôn Nà Pán I, Xã Vũ Sơn, Huyện Bắc Sơn, Tỉnh Lạng Sơn
Công ty CP BCG Land Gateway	Tầng 14, L14-08A, Tòa Nhà VinCom, Số 72 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP Hồ Chí Minh
Công ty Cổ phần 3K Plus Việt Nam	43 Phan Bội Châu, Phường Thạch Thang, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

1. Chế độ kế toán

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và các Thông tư hướng dẫn, bổ sung, sửa đổi.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng quy định của chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành đang áp dụng.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

a. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền

Các khoản tiền là toàn bộ số tiền hiện có của Công ty tại thời điểm báo cáo, gồm: tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

b. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tương đương tiền

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư có thời gian thu hồi còn lại không quá 3 tháng kể từ ngày báo cáo có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

c. Nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ phải theo dõi chi tiết theo nguyên tệ và phải được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch hoặc tỷ giá bình quân gia quyền di động.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ theo nguyên tắc:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản: Là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng thì tỷ giá thực tế khi đánh giá lại là tỷ giá mua của ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản ngoại tệ;



- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: là Tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Là các khoản đầu tư ra bên ngoài doanh nghiệp nhằm mục đích sử dụng hợp lý vốn nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp như: Đầu tư góp vốn vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết, đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư tài chính khác...

Phân loại các khoản đầu tư khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản đầu tư có kỳ hạn thu hồi còn lại không quá 12 tháng hoặc trong 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là ngắn hạn.

- Các khoản đầu tư có kỳ hạn thu hồi còn lại từ 12 tháng trở lên hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là dài hạn.

a. Chứng khoán kinh doanh

Là khoản đầu tư mua chứng khoán và công cụ tài chính khác vì mục đích kinh doanh (nắm giữ với mục đích chờ tăng giá để bán ra kiếm lời). Chứng khoán kinh doanh bao gồm:

- Cổ phiếu, trái phiếu niêm yết trên thị trường chứng khoán;
- Các loại chứng khoán và công cụ tài chính khác như thương phiếu, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng hoán đổi ...

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ theo giá gốc. Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm nhà đầu tư có quyền sở hữu.

Khoản cổ tức được chia cho giai đoạn trước ngày đầu tư được ghi giảm giá trị khoản đầu tư. Khi nhà đầu tư được nhận thêm cổ phiếu mà không phải trả tiền do Công ty cổ phần phát hành thêm cổ phiếu từ thặng dư vốn cổ phần, quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu hoặc chia cổ tức bằng cổ phiếu, nhà đầu tư chỉ theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm.

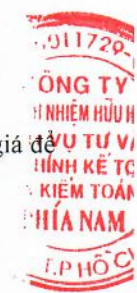
Trường hợp hoán đổi cổ phiếu phải xác định giá trị cổ phiếu theo giá trị hợp lý tại ngày trao đổi.

Khi thanh lý, nhượng bán chứng khoán kinh doanh, giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền di động cho từng loại chứng khoán.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh: phần giá trị tổn thất có thể xảy ra khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy giá trị thị trường của các loại chứng khoán Công ty đang nắm giữ vì mục đích kinh doanh bị giảm so với giá trị ghi sổ. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính và được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

b. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư này không phản ánh các loại trái phiếu và công cụ nợ nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (thời gian thu hồi còn lại từ 3 tháng trở lên), tín phiếu, kỳ phiếu, trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.



Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn nếu chưa được lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật, Công ty phải đánh giá khả năng thu hồi. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hay toàn bộ khoản đầu tư có thể không thể thu hồi được, số tổn thất phải ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ. Trường hợp số tổn thất không thể xác định được một cách đáng tin cậy thì không ghi giảm khoản đầu tư và được thuyết minh về khả năng thu hồi của khoản đầu tư trên Thuyết minh Báo cáo tài chính. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính.

c. Các khoản đầu tư vào công ty con, liên doanh, liên kết

Khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con, công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào doanh thu tài chính trong kỳ. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Hoạt động liên doanh theo hình thức Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát và Tài sản đồng kiểm soát được Công ty áp dụng nguyên tắc kế toán chung như với các hoạt động kinh doanh thông thường khác. Trong đó:

- Công ty theo dõi riêng các khoản thu nhập, chi phí liên quan đến hoạt động liên doanh và thực hiện phân bổ cho các bên trong liên doanh theo hợp đồng liên doanh;

- Công ty theo dõi riêng tài sản góp vốn liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và các khoản công nợ chung, công nợ riêng phát sinh từ hoạt động liên doanh.

Các khoản chi phí liên quan trực tiếp đến hoạt động đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận là chi phí tài chính trong kỳ.

Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác: khoản tổn thất do công ty con, liên doanh, liên kết bị lỗ dẫn đến nhà đầu tư có khả năng mất vốn hoặc khoản dự phòng do suy giảm giá trị các khoản đầu tư này. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính cho từng khoản đầu tư và được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

d. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Là các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác nhưng không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.



Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải thu khách hàng: các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua-bán giữa Công ty và người mua như bán hàng, cung cấp dịch vụ, thanh lý / nhượng bán tài sản, tiền bán hàng xuất khẩu của bên giao ủy thác thông qua bên nhận ủy thác;
- Phải thu nội bộ: các khoản phải thu giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc;
- Phải thu khác: các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua-bán.

Phân loại các khoản phải thu khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản phải thu có kỳ hạn thu hồi còn lại không quá 12 tháng hoặc trong 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là ngắn hạn.
- Các khoản phải thu có kỳ hạn thu hồi còn lại từ 12 tháng trở lên hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là dài hạn.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư của các khoản nợ phải thu có gốc ngoại tệ (trừ các khoản trả trước cho người bán; nếu tại thời điểm lập báo cáo có bằng chứng chắc chắn về việc người bán không thể cung cấp hàng hóa, dịch vụ và Công ty sẽ phải nhận lại các khoản trả trước bằng ngoại tệ thì các khoản này được coi là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ) theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: các khoản nợ phải thu khó đòi được trích lập dự phòng phải thu khó đòi khi lập Báo cáo tài chính. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính và được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ. Đối với những khoản phải thu khó đòi kéo dài trong nhiều năm mà Công ty đã cố gắng dùng mọi biện pháp để thu nợ nhưng vẫn không thu được nợ và xác định khách nợ thực sự không có khả năng thanh toán thì Công ty có thể phải làm các thủ tục bán nợ cho Công ty mua, bán nợ hoặc xóa những khoản nợ phải thu khó đòi trên sổ kế toán (thực hiện theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty).

4. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

a. Nguyên tắc ghi nhận

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Các tài sản được Công ty mua về để sản xuất, sử dụng hoặc để bán không được trình bày là hàng tồn kho trên Bảng cân đối kế toán mà được trình bày là tài sản dài hạn, bao gồm:

- Sản phẩm dở dang có thời gian sản xuất, luân chuyển vượt quá một chu kỳ kinh doanh thông thường;
- Vật tư, thiết bị, phụ tùng thay thế có thời gian dự trữ trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường.

b. Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho

Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.



Đối với hàng hóa nhập bán sỉ theo lô, công ty ghi nhận giá trị hàng xuất theo phương pháp thực tế đích danh.

c. Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

d. Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Cuối niên độ kế toán, nếu giá trị hàng tồn kho không thu hồi đủ do bị hư hỏng, lỗi thời, giá bán bị giảm hoặc chi phí hoàn thiện, chi phí bán hàng tăng lên thì Công ty lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho. Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ

Tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định được theo dõi chi tiết nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá TSCĐ thuê tài chính được ghi nhận bằng giá trị hợp lý của tài sản thuê hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (trường hợp giá trị hợp lý cao hơn giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu) cộng với các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến hoạt động thuê tài chính. Nếu thuế GTGT đầu vào được khấu trừ, giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu không bao gồm thuế GTGT đầu vào.

Trong quá trình sử dụng, Công ty trích khấu hao TSCĐ vào chi phí SXKD đối với TSCĐ có liên quan đến SXKD. Riêng TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất thì chỉ tính khấu hao đối với những TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất có thời hạn. Bất động sản đầu tư chờ tăng giá không trích khấu hao mà chỉ xác định tổn thất do giảm giá trị.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Đối với máy móc thiết bị trực tiếp sản xuất được trích khấu hao theo sản lượng. Thời gian khấu hao được ước tính phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13 tháng 10 năm 2016 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

	<u>Số năm khấu hao ước tính</u>
- Phương tiện vận tải	06 - 10
- Máy móc thiết bị	03 - 15
- Thiết bị văn phòng	03 - 05

6. Nguyên tắc ghi nhận các hợp đồng hợp tác kinh doanh

Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) là thỏa thuận bằng hợp đồng của các bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế nhưng không hình thành pháp nhân độc lập. Bên nhận tài sản các bên đóng góp cho hoạt động BCC kế toán khoản này là nợ phải trả, không được ghi nhận vào vốn chủ sở hữu. BCC có các hình thức sau:

- BCC theo hình thức tài sản đồng kiểm soát;
- BCC theo hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát;
- BCC theo chia lợi nhuận sau thuế.

7. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí SXKD từng kỳ kế toán căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức hợp lý, nhất quán.

Các khoản chi phí trả trước được theo dõi theo từng kỳ hạn trả trước đã phát sinh, đã phân bổ vào các đối tượng chịu chi phí của từng kỳ kế toán và số còn lại chưa phân bổ vào chi phí.

Phân loại các chi phí trả trước khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Số tiền trả trước để được cung cấp hàng hóa, dịch vụ trong khoảng thời gian không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ SXKD thông thường kể từ thời điểm trả trước được phân loại là ngắn hạn.
- Số tiền trả trước để được cung cấp hàng hóa, dịch vụ trong khoảng thời gian trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ SXKD thông thường kể từ thời điểm trả trước được phân loại là dài hạn.

8. Ghi nhận các khoản phải trả

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo thời hạn thanh toán còn lại của các khoản phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Việc phân loại các khoản phải trả được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải trả người bán: các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác;
- Phải trả nội bộ: các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc;
- Phải trả khác: các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa, dịch vụ.

Phân loại các khoản phải trả khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản phải trả có thời gian thanh toán còn lại không quá 12 tháng hoặc trong 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là ngắn hạn.
- Các khoản phải trả có thời gian thanh toán còn lại từ 12 tháng trở lên hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là dài hạn.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư của các khoản nợ phải trả có gốc ngoại tệ (trừ các khoản người mua trả tiền trước; nếu tại thời điểm lập báo cáo có bằng chứng chắc chắn về việc Công ty không thể cung cấp hàng hóa, dịch vụ và Công ty sẽ phải trả lại các khoản nhận trước bằng ngoại tệ thì các khoản này được coi là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ) theo tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

9. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc phát hành cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai không phản ánh vào khoản mục này.

Các khoản vay, nợ cần được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng, từng khế ước và từng loại tài sản vay nợ. Các khoản nợ thuê tài chính được phản ánh theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Phân loại các khoản phải vay và nợ phải trả thuê tài chính khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính có thời hạn trả nợ còn lại không quá 12 tháng được phân loại là ngắn hạn.
- Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính có thời hạn trả nợ còn lại hơn 12 tháng được phân loại là dài hạn.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư của các khoản vay, nợ thuê tài chính có gốc ngoại tệ theo tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

10. Nguyên tắc ghi nhận vay và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến các khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ, trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

11. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này và không bổ sung vốn kinh doanh từ kết quả hoạt động kinh doanh.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

Chênh lệch tỷ giá hối đoái phản ánh trên bảng cân đối kế toán là chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh hoặc đánh giá lại cuối kỳ của các khoản mục có gốc ngoại tệ của hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

a. Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;



- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

b. Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

c. Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

13. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán bao gồm trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp bán trong kỳ và các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư ...

Giá trị hàng tồn kho hao hụt, mất mát được ghi nhận vào giá vốn hàng bán sau khi trừ đi các khoản bồi thường (nếu có).

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được tính vào giá vốn hàng bán sau khi trừ đi các khoản bồi thường (nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.



15. Nguyên tắc ghi nhận chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí chung của công ty gồm các chi phí về lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn của nhân viên quản lý; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý công ty; tiền thuê đất, thuế môn bài; dự phòng nợ phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài; chi phí bằng tiền khác...

16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

17. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn trong hình thức pháp lý.

18. Công cụ tài chính

Căn cứ Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18/05/2015 của Bộ Tài chính, trước khi Chuẩn mực kế toán về công cụ tài chính và các văn bản hướng dẫn được ban hành, Ban Tổng Giám đốc Công ty quyết định không trình bày và thuyết minh về công cụ tài chính theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC trong báo cáo tài chính của Công ty.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho giai đoạn 06 tháng đầu năm 2020

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**1. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

Đơn vị tính: VND

	Ngày 30/06/2020	Ngày 01/01/2020
- Tiền mặt	164.035.487	212.908.561
- Tiền gửi ngân hàng	484.763.139	1.872.254.012
<i>Tiền gửi VND</i>	466.432.284	1.853.923.157
<i>Tiền gửi ngoại tệ</i>	18.330.855	18.330.855
- Các khoản tương đương tiền (*)	8.900.000.000	8.900.000.000
Tổng cộng	9.548.798.626	10.985.162.573

Ghi chú:

(*) Đây là các khoản tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng tại Ngân hàng BIDV - CN Bà Chiểu. Các khoản tiền gửi có kỳ hạn này được dùng để thế chấp cho khoản vay tại Ngân hàng (xem mục V.10 thuyết minh báo cáo tài chính này).

2. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	Ngày 30/06/2020	Ngày 01/01/2020
a. Phải thu khách hàng ngắn hạn	300.562.111.988	86.326.904.729
- Công ty CP Thành Phúc	156.457.602	5.841.088.602
- Công ty CP Dịch vụ Chi Thủy	39.790.422	39.790.422
- Công ty CP Hibiscus	501.818.594	1.112.956.369
- Công ty CP Đầu tư và Dịch vụ Orchid	188.400.000	68.632.800.000
- Dragon Lane Investment Holding Limited	12.710.500.000	10.168.400.000
- Công ty CP BCG Land	1.436.200.000	364.900.000
- Công ty CP Tracodi Power	166.969.336	166.969.336
- Lê Thị Mai Loan	284.000.000.000	-
- Phải thu khách hàng khác	1.361.976.034	-
b. Phải thu khách hàng dài hạn	-	-
c. Phải thu của khách hàng là các bên liên quan	2.914.057.602	6.205.988.602
- Công ty CP Thành Phúc	156.457.602	5.841.088.602
- Công ty CP BCG Land	1.436.200.000	364.900.000
- Công ty CP Phát triển Nguyễn Hoàng	927.000.000	-
- Công ty CP Đầu tư Phát triển Công nghiệp và Vận tải	335.000.000	-
- Công ty CP BCG Energy	59.400.000	-

3. CÁC KHOẢN TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	Ngày 30/06/2020	Ngày 01/01/2020
a. Trả trước cho người bán ngắn hạn	4.628.971.433	3.373.761.892
- Công ty CP Phát triển Lộc Phát	977.586.700	-
- Công ty CP Đầu tư Công nghệ Thiên Ân	3.031.884.732	3.031.884.732
- Global Asset Solution FZ LIC	227.280.000	227.280.000
- Đối tượng khác	392.220.001	114.597.160
b. Trả trước cho người bán dài hạn	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN BAMBOO CAPITAL

Lầu 14, Vincom Center, 72 Lê Thánh Tôn, P. Bến Nghé, Q.1, TP.HCM

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
Cho giai đoạn 06 tháng đầu năm 2020**4. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

	Ngày 30/06/2020		Ngày 01/01/2020			
	Giá trị gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá trị gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
a. Chứng khoán kinh doanh						
b. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	2.150.000.000	2.150.000.000	-	2.150.000.000	2.150.000.000	-
b.1 Ngắn hạn	980.000.000	980.000.000	-	980.000.000	980.000.000	-
- Tiền gửi có kỳ hạn (1)	980.000.000	980.000.000	-	980.000.000	980.000.000	-
b.2 Dài hạn	1.170.000.000	1.170.000.000	-	1.170.000.000	1.170.000.000	-
- Trái phiếu (2)	1.170.000.000	1.170.000.000	-	1.170.000.000	1.170.000.000	-
Tổng cộng	2.150.000.000	2.150.000.000	-	2.150.000.000	2.150.000.000	-
<i>Ghi chú:</i>						

(1) Là khoản tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP BIDV - Chi nhánh Bà Chiểu. Toàn bộ khoản tiền gửi này được dùng để thế chấp cho khoản vay tại Ngân hàng TMCP BIDV - Chi nhánh Bà Chiểu (xem mục V.10 thuyết minh báo cáo tài chính này).

(2) Là khoản đầu tư mua trái phiếu của ngân hàng TMCP Đầu tư Phát triển Việt Nam (BIDV) phát hành kỳ hạn 07 năm, đáo hạn vào ngày 19/12/2025.



CÔNG TY CỔ PHẦN BAMBOO CAPITAL

Lầu 14, Vincom Center, 72 Lê Thánh Tôn, P. Bến Nghé, Q.1, TP.HCM

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
Cho giai đoạn 06 tháng đầu năm 2020

4. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

	Ngày 30/06/2020		Ngày 01/01/2020	
	Giá trị gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá trị hợp lý
c. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	3.502.684.052.489	3.502.175.513.903	-	2.840.684.052.489
- Đầu tư vào công ty con	3.319.350.896.196	3.319.350.896.196	-	2.657.350.896.196
+ Công ty CP Đầu tư Phát triển Công nghiệp và Vận tải	299.460.560.000	299.460.560.000	-	299.460.560.000
+ Công ty CP Phát triển Nguyễn Hoàng	270.160.000.000	270.160.000.000	-	270.160.000.000
+ Công ty CP BCG Land	894.200.000.000	894.200.000.000	-	628.200.000.000
+ Công ty TNHH Indochina Hội An Beach Villas	667.530.336.196	667.530.336.196	-	667.530.336.196
+ Công ty Cổ phần BCG Energy	1.188.000.000.000	1.188.000.000.000	-	792.000.000.000
- Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	182.804.000.000	182.295.461.414	(508.538.586)	182.804.000.000
+ Công ty CP Aussino Highland Agriculture	1.104.000.000	595.461.414	(508.538.586)	1.104.000.000
+ Công ty TNHH B.O.T ĐT830	103.200.000.000	103.200.000.000	-	103.200.000.000
+ Công ty CP Năng lượng BCG Băng Dương	78.500.000.000	78.500.000.000	-	78.500.000.000
- Đầu tư vào các đơn vị khác	529.156.293	529.156.293	-	529.156.293
+ Công ty CP Đầu tư và Kinh doanh Tài sản Việt Nam	69.210.933	69.210.933	-	69.210.933
+ Công ty CP Phát triển Nguồn lực & DV Dầu khí VN	99.945.360	99.945.360	-	99.945.360
+ Công ty CP Đầu tư hạ tầng và năng lượng VN	360.000.000	360.000.000	-	360.000.000
Tổng cộng	3.502.684.052.489	3.502.175.513.903	(508.538.586)	2.840.684.052.489
				2.840.175.513.903
				(508.538.586)



5. CÁC KHOẢN PHẢI THU VỀ CHO VAY

	Ngày 30/06/2020	Ngày 01/01/2020
a. Phải thu về cho vay ngắn hạn		
- Công ty CP Khai thác khoáng sản Bắc Hà (*)	3.500.000.000	3.500.000.000
b. Phải thu về cho vay dài hạn		
- Công ty CP Khai thác khoáng sản Bắc Hà (*)	3.500.000.000	3.500.000.000
Tổng cộng	-	-
	3.500.000.000	3.500.000.000

Ghi chú:

(*) Là khoản cho vay theo hợp đồng vay vốn số 05/2016/HĐVV-BCG-KSBH ngày 15/08/2016 và phụ lục, thời hạn cho vay đến ngày 31/07/2021, lãi suất 10%/năm.

6. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	Ngày 30/06/2020		Ngày 01/01/2020	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a. Phải thu ngắn hạn khác	279.335.036.416	-	7.272.585.598	-
- Tạm ứng	608.460.320	-	564.882.546	-
- Ký cược, ký quỹ	11.000.000	-	11.000.000	-
- Phải thu khác	278.715.576.096	-	6.696.703.052	-
+ Công ty CP BCG Wind Sóc Trăng	5.475.000.000	-	5.435.000.000	-
+ Công ty TNHH DV BV Trường Thành Đại Nam Security	736.611.112	-	736.611.112	-
+ Công ty CP BCG Energy	271.500.000.000	-	-	-
+ Khác	1.003.964.984	-	525.091.940	-
b. Phải thu dài hạn khác	45.600.827.373	-	15.600.827.373	-
- Phải thu khác	45.000.000.000	-	15.000.000.000	-
+ Công ty TNHH B.O.T ĐT830 (*)	45.000.000.000	-	15.000.000.000	-
- Ký cược, ký quỹ	600.827.373	-	600.827.373	-
- Phải thu khác	-	-	-	-
Tổng cộng	324.935.863.789	-	22.873.412.971	-

Ghi chú:

(*) Là khoản tiền chuyển cho Công ty TNHH B.O.T ĐT830 để đầu tư mở rộng Dự án nâng cấp mở rộng ĐT.830 và ĐT.824 tại Long An theo hợp đồng hợp tác số 01/2019/HĐ-BOT830/HTĐT ngày 18/12/2019 có thời hạn dự kiến là 5 năm. Theo đó, BCG sẽ được hưởng 11%/năm kể từ khi chuyển tiền.

7. HÀNG TỒN KHO

	Ngày 30/06/2020		Ngày 01/01/2020	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Hàng hóa	2.449.040.900	-	3.579.518.200	-
Cộng giá gốc của hàng tồn kho	2.449.040.900	-	3.579.518.200	-

8. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

Chỉ tiêu	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	TSCĐ khác	Tổng cộng
I. Nguyên giá TSCĐ hữu hình						
1. Số dư đầu kỳ	-	60.000.000	3.679.015.818	414.079.291	-	4.153.095.109
2. Số tăng trong kỳ	-	-	1.221.809.091	358.543.273	-	1.580.352.364
- Mua trong kỳ	-	-	1.221.809.091	358.543.273	-	1.580.352.364
3. Số giảm trong kỳ	-	-	-	-	-	-
4. Số dư cuối kỳ	-	60.000.000	4.900.824.909	772.622.564	-	5.733.447.473
II. Giá trị hao mòn lũy kế						
1. Số dư đầu kỳ	-	60.000.000	2.658.470.612	414.067.298	-	3.132.537.910
2. Khấu hao trong kỳ	-	-	261.570.204	12.900.938	-	274.471.142
- Khấu hao tăng trong kỳ	-	-	261.570.204	12.900.938	-	274.471.142
3. Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-	-
4. Số dư cuối kỳ	-	60.000.000	2.920.040.816	426.968.236	-	3.407.009.052
III. Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình						
1. Tại ngày đầu kỳ	-	-	1.020.545.206	11.993	-	1.020.557.199
2. Tại ngày cuối kỳ	-	-	1.980.784.093	345.654.328	-	2.326.438.421

Ghi chú:

- Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo cho các khoản vay, nợ;
- Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:

1.980.784.094	VND
1.420.622.382	VND

CÔNG TY CỔ PHẦN BAMBOO CAPITAL

Lầu 14, Vincom Center, 72 Lê Thánh Tôn, P. Bến Nghé, Q.1, TP.HCM

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
Cho giai đoạn 06 tháng đầu năm 2020

9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

a. Ngắn hạn

b. Dài hạn

- Chi phí CCDC xuất dùng
- Chi phí khác

Tổng cộng

	Ngày 30/06/2020	Ngày 01/01/2020
	1.115.792.193	1.734.865.676
	359.958.853	223.199.004
	755.833.340	1.511.666.672
Tổng cộng	1.115.792.193	1.734.865.676

10. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

	Ngày 01/01/2020		Phát sinh		Ngày 30/06/2020	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<i>a. Vay ngắn hạn</i>						
- <i>Vay ngắn hạn</i>	896.280.576.363	896.280.576.363	29.447.041.600	892.126.216.536	33.601.401.427	33.601.401.427
+ Ngân hàng BIDV - CN Bà Chiểu	18.496.572.363	18.496.572.363	29.328.141.600	28.204.489.536	19.620.224.427	19.620.224.427
- <i>Vay dài hạn đến hạn trả</i>	18.496.572.363	18.496.572.363	29.328.141.600	28.204.489.536	19.620.224.427	19.620.224.427
+ Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	27.784.004.000	27.784.004.000	118.900.000	13.921.727.000	13.981.177.000	13.981.177.000
+ Ngân hàng Nam Á - CN Đà Nẵng	284.004.000	284.004.000	118.900.000	171.727.000	231.177.000	231.177.000
- <i>Trái phiếu đến hạn trả</i>	27.500.000.000	27.500.000.000	-	13.750.000.000	13.750.000.000	13.750.000.000
+ Loại phát hành theo mệnh giá	850.000.000.000	850.000.000.000	-	850.000.000.000	-	-
	850.000.000.000	850.000.000.000	-	850.000.000.000	-	-
<i>b. Vay dài hạn</i>						
+ Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	166.462.983.000	166.462.983.000	15.891.750.000	118.900.000	182.235.833.000	182.235.833.000
+ Ngân hàng TMCP Tiên Phong	212.983.000	212.983.000	891.750.000	118.900.000	985.833.000	985.833.000
+ Ngân hàng TMCP Nam Á - CN Đà Nẵng	15.000.000.000	15.000.000.000	15.000.000.000	-	30.000.000.000	30.000.000.000
	151.250.000.000	151.250.000.000	-	-	151.250.000.000	151.250.000.000
Cộng	1.062.743.559.363	1.062.743.559.363	45.338.791.600	892.245.116.536	215.837.234.427	215.837.234.427



10. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

- c. Các khoản nợ thuế tài chính
d. Số vay và nợ thuế tài chính quá hạn chưa thanh toán
e. Trái phiếu thường

	Ngày 01/01/2020		Ngày 30/06/2020	
	Giá trị	Lãi suất	Giá trị	Lãi suất
- Loại phát hành theo mệnh giá (5)	112.929.688.350	6%	112.929.688.350	6%
Tổng cộng	112.929.688.350		112.929.688.350	

Ghi chú:

(1) Đây là khoản vay vốn lưu động tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Bà Chiểu; mục đích bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C. Khoản vay này được đảm bảo bằng phương tiện vận tải của Công ty và khoản tiền gửi có kỳ hạn của Công ty tại Ngân hàng BIDV - CN Bà Chiểu (xem mục V.01, V.04, V.08 thuyết minh báo cáo tài chính này).

(2) Khoản vay này được đảm bảo bằng phương tiện vận tải của công ty (xem mục V.08 thuyết minh báo cáo tài chính này).

(3) Đây là khoản vay tại Ngân hàng TMCP Tiên Phong; Hạn mức tín dụng là 60 tỷ đồng; thời hạn vay 60 tháng; tài sản đảm bảo là tài sản tương lai phát sinh từ Hợp đồng BOT dự án năng cấp, mở rộng ĐT 830 và ĐT 824 từ cầu An Thạnh đến thị trấn Đức Hòa, tỉnh Long An.

(4) Đây là khoản vay tại Ngân hàng TMCP Nam Á - CN Đà Nẵng; số tiền vay 220 tỷ đồng; thời hạn vay 96 tháng; tài sản đảm bảo là toàn bộ giá trị phần vốn góp của BCG vào Công ty TNHH Indochina Hội An Beach Villas.

(5) Trái phiếu phát hành theo hình thức Trái phiếu không chuyển đổi cho các tổ chức, tổ chức tín dụng, cá nhân trong nước và nước ngoài; Lãi suất Trái phiếu 6%/năm, kỳ hạn 03 năm kể từ ngày phát hành Trái phiếu 15/12/2017.

II. TRÁI PHIẾU CHUYỂN ĐỔI

STT	Chi tiêu	Số đầu năm	Phát hành trong năm	Đáo hạn trái phiếu		Số cuối năm	Bên liên quan
				Thực hiện quyền chọn chuyển đổi	Không thực hiện quyền chọn chuyển đổi		
1	Kỳ hạn gốc (tháng)						
	Phát hành ngày 15/10/2018	36					
	Phát hành ngày 20/05/2020		36			36	
2	Kỳ hạn còn lại (tháng)						
	Phát hành ngày 15/10/2018	21,5					
	Phát hành ngày 20/05/2020		36			15,5	
3	Số lượng (trái phiếu)						
	Phát hành ngày 15/10/2018	280					
	Phát hành ngày 20/05/2020	900.000				280	
4	Mệnh giá (đồng/ trái phiếu)						
	Phát hành ngày 15/10/2018	1.000.000.000				1.000.000.000	
	Phát hành ngày 20/05/2020	1.000.000				1.000.000	
5	Lãi suất (%)						
	Phát hành ngày 15/10/2018	0,5%				0,5%	
	Phát hành ngày 20/05/2020	5%				5%	
6	Tỷ lệ chuyển đổi						
	Phát hành ngày 15/10/2018						
	Phát hành ngày 20/05/2020						
7	Lãi suất chiết khấu						
	Phát hành ngày 15/10/2018						
	Phát hành ngày 20/05/2020						
8	Nợ gốc trái phiếu						
	Phát hành ngày 15/10/2018	1.180.000.000.000				1.180.000.000.000	
	Phát hành ngày 20/05/2020	280.000.000.000				280.000.000.000	
	Phát hành ngày 20/05/2020	900.000.000.000				900.000.000.000	
9	Quyền chọn chuyển đổi						
	Phát hành ngày 15/10/2018						
	Phát hành ngày 20/05/2020						

11. TRÁI PHIẾU CHUYỂN ĐỔI (TIẾP THEO)

Ghi chú:

(*) Trái phiếu phát hành theo hình thức Trái phiếu chuyển đổi cho các tổ chức, tổ chức tín dụng, cá nhân trong nước và nước ngoài; kỳ hạn 03 năm kể từ ngày phát hành Trái phiếu.

Thời hạn chuyển đổi: 1 năm kể từ ngày phát hành trái phiếu cho đến ngày liên trước ngày đáo hạn toàn bộ hoặc một phần số lượng trái phiếu phát hành được chuyển đổi thành cổ phiếu BCG, với giá trị mệnh giá tối thiểu 50 tỷ đồng và phần vượt quá là bội số của 10 tỷ đồng. Tại ngày đáo hạn, toàn bộ trái phiếu được chuyển đổi thành cổ phiếu.

Giá chuyển đổi dự kiến: 10.000 đồng/cổ phiếu. Giá chuyển đổi có thể được điều chỉnh theo Hợp đồng để phản ánh mức độ pha loãng. Giá chuyển đổi thực tế sẽ do HĐQT quyết định tại thời điểm chuyển đổi trên cơ sở đàm phán với Người sở hữu trái phiếu.

Tỷ lệ chuyển đổi: bằng Mệnh giá trái phiếu chia cho giá chuyển đổi được xác định tại thời điểm chuyển đổi.

Cổ phiếu chuyển đổi sẽ được niêm yết bổ sung tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP. HCM sau khi chuyển đổi.

Theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông số 02/2020/NQ-DHĐCĐ-BCG ngày 27/05/2020 đã chấp thuận cho phép thực hiện quyền chuyển đổi toàn bộ trái phiếu chuyển đổi phát hành ngày 15/10/2018 thành cổ phiếu trong năm 2020.



12. PHẢI TRẢ CHO NGƯỜI BÁN

	Ngày 30/06/2020		Ngày 01/01/2020	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Ngắn hạn	1.156.997.609.755	1.155.868.930.022	9.148.587.237	9.148.587.237
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Helios	1.128.679.733	-	912.502.599	912.502.599
- Công ty TNHH Nam Cường Sài Gòn	1.155.000.000.000	1.155.000.000.000	-	-
- Công ty CP Phát triển Lộc Phát	-	-	4.241.717.972	4.241.717.972
- Nguyễn Thanh Hùng	-	-	2.881.000.000	2.881.000.000
- Các đối tượng khác	868.930.022	868.930.022	1.113.366.666	1.113.366.666
b. Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	1.156.997.609.755	1.155.868.930.022	9.148.587.237	9.148.587.237
c. Số nợ quá hạn chưa thanh toán	-	-	-	-
d. Phải trả người bán là các bên liên quan	3.300.000	3.300.000	2.981.198.242	2.981.198.242
- Công ty CP Đầu tư Phát triển Công nghiệp và Vận tải	-	-	63.525.242	63.525.242
- Công ty TNHH Du lịch Casa Marina Resort	-	-	36.673.000	36.673.000
- Nguyễn Thanh Hùng	-	-	2.881.000.000	2.881.000.000
- Công ty CP Tracodi Trading & Consulting	3.300.000	3.300.000	-	-

13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN NỢ CHO NHÀ NƯỚC

	Ngày 01/01/2020	Phải nộp trong kỳ	Đã nộp trong kỳ	Ngày 30/06/2020
a. Phải nộp	25.047.441.515	9.082.345.513	20.436.881.031	13.692.905.997
Thuế thu nhập doanh nghiệp	24.896.328.297	8.534.813.698	19.917.913.659	13.513.228.336
Thuế thu nhập cá nhân	151.113.218	318.571.815	290.007.372	179.677.661
Thuế khác	-	228.960.000	228.960.000	-
b. Phải thu	-	-	-	-

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

14. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Ngày 30/06/2020	Ngày 01/01/2020
a. Ngắn hạn	9.724.494.463	170.562.526.140
- Trích trước chi phí lãi vay, lãi phải trả hợp đồng hợp tác kinh doanh	9.724.494.463	170.562.526.140
b. Dài hạn	-	-
Cộng	9.724.494.463	170.562.526.140

15. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ KHÁC

	<i>Ngày 30/06/2020</i>	<i>Ngày 01/01/2020</i>
a. Ngắn hạn	123.671.058.694	8.863.877.854
- KPCĐ, BHXH, BHYT, BHTN	76.288.000	52.992.000
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	123.594.770.694	8.810.885.854
+ Công ty CP Dịch vụ Chi Thủy (1)	89.000.000.000	-
+ Công ty TNHH B.O.T ĐT830	745.000.000	1.550.000.000
+ Công ty TNHH Indochina Hội An Beach Villas	28.849.770.694	2.034.000.000
+ Nguyễn Thị Hải	5.000.000.000	5.000.000.000
+ Các đối tượng khác	-	226.885.854
b. Dài hạn	81.150.000.000	81.150.000.000
- Nhận ký cược ký quỹ dài hạn	-	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	81.150.000.000	81.150.000.000
+ Công ty TNHH Indochina Hội An Beach Villas (2)	64.150.000.000	64.150.000.000
+ Nguyễn Như Hương (3)	16.000.000.000	16.000.000.000
+ Trần Ngọc Nam	1.000.000.000	1.000.000.000
c. Số nợ quá hạn chưa thanh toán	-	-

Ghi chú:

(1) Đây là khoản BCG nhận được theo hợp đồng hợp tác kinh doanh số 06/2020-HĐHTKD-BCG-CHITHUY ngày 27/03/2020 giữa Công ty CP Bamboo Capital (BCG) và Công ty CP Dịch vụ Chi Thủy. Thời gian thực hiện 3 năm kể từ ngày ký hợp đồng.

(2) Khoản phải trả theo hợp đồng vay vốn số 07A/2018/HĐVV-IND-BCG ngày 30/08/2018, thời hạn vay 24 tháng, lãi suất 0%/năm.

(3) Đây là khoản BCG nhận từ Ông Nguyễn Như Hương theo hợp đồng hợp tác số 68/2017/HĐHT-BCG ký ngày 05/09/2017 và phụ lục hợp đồng.



16. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

Chỉ tiêu	Vốn góp của Chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
Số dư tại ngày 01/01/2019	1.080.057.600.000	(165.000.000)	-	36.328.689.817	1.116.221.289.817
- Lợi nhuận tăng trong kỳ	-	-	-	69.241.515.761	69.241.515.761
Số dư tại ngày 30/06/2019	1.080.057.600.000	(165.000.000)	-	105.570.205.578	1.185.462.805.578
Số dư tại ngày 01/01/2020	1.080.057.600.000	(165.000.000)	-	146.077.855.613	1.225.970.455.613
- Lợi nhuận tăng trong kỳ	-	-	-	34.139.254.793	34.139.254.793
Số dư tại ngày 30/06/2020	1.080.057.600.000	(165.000.000)	-	180.217.110.406	1.260.109.710.406



16. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP THEO)

	<u>Ngày 30/06/2020</u>	<u>Ngày 01/01/2020</u>
b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn nhà nước	-	-
- Tổ chức cá nhân khác	1.080.057.600.000	1.080.057.600.000
Cộng	1.080.057.600.000	1.080.057.600.000

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu kỳ	1.080.057.600.000	1.080.057.600.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
+ Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
+ Vốn góp cuối kỳ	1.080.057.600.000	1.080.057.600.000
- Cổ tức lợi nhuận đã chia	-	-

d. Cổ phiếu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	108.005.760	108.005.760
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	108.005.760	108.005.760
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>108.005.760</i>	<i>108.005.760</i>
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	108.005.760	108.005.760
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>108.005.760</i>	<i>108.005.760</i>

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu

e. Cổ tức

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm và chưa được ghi nhận vào nợ phải trả:	86.404.608.000	-
+ <i>Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông:</i>	<i>86.404.608.000</i>	-
+ <i>Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- <i>Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận</i>	-	-

f. Các quỹ của doanh nghiệp

- Quỹ đầu tư phát triển	-	-
- Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	-	-
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	-

17. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	<u>Ngày 30/06/2020</u>	<u>Ngày 01/01/2020</u>
a. Tài sản thuê ngoài	-	-
b. Tài sản nhận giữ hộ	-	-
c. Ngoại tệ các loại		
- USD	793,02	793,02
d. Vàng tiền tệ	-	-
đ. Nợ khó đòi đã xử lý	-	-
e. Các thông tin khác	-	-



VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Đơn vị tính: VND

1. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020	Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019
a. Doanh thu	32.735.354.760	44.707.574.860
- Doanh thu bán hàng	18.772.554.760	17.722.574.860
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	13.962.800.000	26.985.000.000
b. Doanh thu đối với các bên liên quan	6.947.800.000	11.044.287.860
- Công ty CP Thành Phúc	-	11.044.287.860
- Công ty CP BCG Land	1.793.800.000	-
- Công ty CP BCG Energy	2.434.000.000	-
- Công ty CP Đầu tư Phát triển Công nghiệp và Vận tải	1.700.000.000	-
- Công ty CP Phát triển Nguyễn Hoàng	1.020.000.000	-

2. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020	Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019
- Giá vốn hàng hóa	17.887.674.510	17.269.298.982
- Giá vốn dịch vụ	168.100.000	74.320.000
Cộng	18.055.774.510	17.343.618.982

3. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020	Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	472.559.856	1.059.540.318
- Lãi phải thu theo hợp đồng hợp tác đầu tư	2.350.684.932	-
- Lãi đầu tư cổ phiếu, trái phiếu	90.000.000.000	134.400.000.000
- Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	600.002	34.425.069
- Doanh thu hoạt động tài chính khác	2.850.000	-
Cộng	92.826.694.790	135.493.965.387

4. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020	Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019
- Chi phí lãi vay	52.987.222.528	66.525.282.118
- Lỗ đầu tư cổ phiếu, trái phiếu	-	19.762.725
- Chi phí tài chính khác	773.600.000	110.734.649
Cộng	53.760.822.528	66.655.779.492



5. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020	Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019
<i>a. Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ</i>	-	41.683.787
- Chi phí bằng tiền khác	-	41.683.787
<i>b. Các khoản chi phí QLDN phát sinh trong kỳ</i>	11.071.384.021	10.212.740.063
- Chi phí nhân viên quản lý	5.688.842.982	4.357.223.159
- Chi phí vật liệu quản lý	349.422.145	363.986.775
- Chi phí đồ dùng văn phòng	833.191.664	831.738.503
- Chi phí khấu hao TSCĐ	274.471.142	522.072.684
- Thuế, phí và lệ phí	5.937.778	4.500.000
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.327.666.864	3.755.649.170
- Chi phí bằng tiền khác	591.851.446	377.569.772

6. THU NHẬP KHÁC

	Từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020	Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019
- Thanh lý nhượng bán TSCĐ	-	617.979.788
Cộng	-	617.979.788

7. CHI PHÍ KHÁC

	Từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020	Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019
- Các khoản khác	-	13.803.009
Cộng	-	13.803.009

8. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020	Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	349.422.145	363.986.775
- Chi phí nhân công	5.688.842.982	4.357.223.159
- Chi phí khấu hao TSCĐ	274.471.142	522.072.684
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.327.666.864	3.755.649.170
- Chi phí bằng tiền khác	1.430.980.888	1.255.492.062
Cộng	11.071.384.021	10.254.423.850

9. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020	Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019
- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	42.674.068.491	86.551.894.702
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN	-	-
- Tổng thu nhập chịu thuế	42.674.068.491	86.551.894.702
- Tổng thu nhập tính thuế	42.674.068.491	86.551.894.702
- Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	8.534.813.698	17.310.378.941
+ Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	8.534.813.698	17.310.378.941

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30/06/2020, Công ty có thể chấp 8.900.000.000 đồng tại khoản mục tương đương tiền (xem mục V.1 phần thuyết minh báo cáo tài chính này) để đảm bảo cho các khoản vay tại các ngân hàng.

Ngoài ra, trong kỳ Công ty không có các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng.

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

a. Các bên liên quan

Bên liên quan	Quan hệ
Công ty CP Phát triển Nguyễn Hoàng	Công ty con
Công ty CP Đầu tư Phát triển Công nghiệp và Vận tải	Công ty con
Công ty CP BCG Land	Công ty con
Công ty TNHH Indochina Hội An Beach Villas	Công ty con
Công ty CP BCG Energy	Công ty con
Công ty Liên doanh Khai thác và Chế biến VLXD An Giang	Công ty con gián tiếp
Công ty CP Xuất khẩu Lao động Tracodi	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH Du lịch Casa Marina Resort	Công ty con gián tiếp
Công ty CP Sản xuất Kinh doanh Phân bón Vinacafe	Công ty con gián tiếp
Công ty CP Thành Phúc	Công ty con gián tiếp
Công ty CP BCG Wind Sóc Trăng	Công ty con gián tiếp
Công ty CP Tapiotek	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH Pegas	Công ty con gián tiếp
Công ty CP Năng lượng BCG Thạnh Hóa	Công ty con gián tiếp
Công ty CP Nông thôn Việt Energy	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH Đầu tư và Xây dựng Friends	Công ty con gián tiếp
Công ty CP Tracodi Trading & Consulting	Công ty con gián tiếp
Công ty CP Skylar	Công ty con gián tiếp
Công ty CP Phát triển Tâm nhìn Năng Lượng Sạch	Công ty con gián tiếp
Công ty CP Apollo Development	Công ty con gián tiếp
Công ty CP Greensky Infnitive	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH BCG Evergreen	Công ty con gián tiếp
Công ty CP Aussino Highland Agriculture	Công ty liên kết
Công ty CP Năng lượng BCG Băng Dương	Công ty liên kết
Công ty TNHH B.O.T ĐT830	Công ty liên kết
Công ty CP Plus Investment	Công ty liên kết gián tiếp
Công ty Taxi Việt Nam (Vina Taxi)	Công ty liên kết gián tiếp
Công ty TNHH Skylight Power	Công ty liên kết gián tiếp
Công ty CP White Magnolia	Công ty liên kết gián tiếp
Công ty CP Sao Sáng Sài Gòn	Công ty liên kết gián tiếp
Công ty CP Năng lượng Hanwha - BCG Băng Dương	Công ty liên kết gián tiếp
Công ty CP Năng lượng Dương Phong	Công ty liên kết gián tiếp
Công ty TNHH Du lịch Sinh Thái Cồn Bắp	Công ty liên kết gián tiếp
Công ty CP Khai thác Khoáng Sản Bắc Hà	Công ty liên kết gián tiếp
Công ty CP BCG Land Gateway	Công ty liên kết gián tiếp
Công ty Cổ phần 3K Plus Việt Nam	Công ty liên kết gián tiếp
Công ty TNHH MTV Đầu tư Phát triển Trường Thành Việt Nam	Cùng thành viên chủ chốt trong Ban điều hành
Ban Tổng Giám đốc, HĐQT, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng và người công bố thông tin	Ban điều hành và các cá nhân có liên quan



b. Các giao dịch trọng yếu với các bên có liên quan

Bên liên quan	Giao dịch	Số tiền
Ban Tổng Giám đốc, HĐQT, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng và người công bố thông tin	Lương, thưởng, phụ cấp khác	1.234.880.240
Các bên liên quan	Lãi trái phiếu phải trả	2.764.109.586
Công ty CP BCG Land	Dịch vụ cần cung cấp	93.800.000
	Chuyển tiền góp vốn	266.000.000.000
	Bán cổ phần	234.000.000.000
	Thu tiền bán cổ phần	234.000.000.000
	Thu tiền bán hàng	892.500.000
Công ty CP BCG Energy	Cho mượn	271.500.000.000
	Chuyển tiền góp vốn	396.000.000.000
	Thu tiền bán hàng	2.618.000.000
Công ty CP BCG Wind Sóc Trăng	Cho mượn	40.000.000
Công ty CP Khai thác Khoáng Sản Bắc Hà	Lãi phải thu hợp đồng cho vay	176.944.446
Công ty TNHH B.O.T ĐT830	Chuyển tiền hợp tác đầu tư	30.000.000.000
	Thu lãi tiền hợp tác	2.350.684.932
	Mượn tiền	325.000.000
	Trả lại tiền mượn	1.130.000.000
Công ty TNHH Du lịch Casa Marina Resort	Thanh toán tiền hàng	36.673.000
Công ty TNHH Indochina Hội An Beach Villas	Mượn tiền	26.815.770.694
Công ty CP Thành Phúc	Trả tiền hàng	5.684.631.000
Công ty CP Đầu tư Phát triển Công nghiệp và Vận tải	Thanh toán tiền hàng	63.525.242
	Thu tiền bán hàng	1.535.000.000
Công ty CP Tracodi Trading & Consulting	Mua hàng	23.963.500
	Thanh toán tiền hàng	20.663.500

c. Số dư với các bên liên quan

Bên liên quan	Mã trên CĐKT	Số tiền
Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát	339	570.000.000.000
Công ty CP Thành Phúc	136	38.406.752
Công ty TNHH Indochina Hội An Beach Villas	319	28.849.770.694
	337	64.150.000.000
Công ty TNHH Du lịch Casa Marina Resort	136	15.313.756
Công ty TNHH DV BV Trường Thành Đại Nam Security	136	736.611.112
Công ty CP Sản xuất Kinh doanh Phân bón Vinacafe	136	38.406.752
Công ty CP Năng lượng BCG Băng Dương	136	62.344.128
Công ty TNHH B.O.T ĐT830	136	357.804.974
	216	45.000.000.000
	319	745.000.000
Công ty CP Khai thác Khoáng Sản Bắc Hà	136	296.812.002
	135	3.500.000.000
Công ty CP BCG Energy	136	271.500.000.000
Công ty CP BCG Wind Sóc Trăng	136	5.475.000.000
Công ty CP Năng lượng Hanwha - BCG Băng Dương	136	10.000.000

2. THÔNG TIN VỀ BÁO CÁO BỘ PHẬN

Thông tin báo cáo bộ phận được trình bày chủ yếu là kết quả kinh doanh lợi nhuận thuần theo bộ phận khu vực địa lý và lĩnh vực kinh doanh của Công ty. Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý và lĩnh vực kinh doanh, được dựa vào cơ cấu báo cáo nội bộ và quản lý của Công ty.

Kết quả báo cáo bộ phận lợi nhuận thuần bao gồm các khoản mục phân bổ trực tiếp cho một bộ phận cũng như cho các bộ phận được phân chia theo một cơ sở hợp lý. Các khoản mục không được phân bổ bao gồm doanh thu từ hoạt động tài chính, chi phí tài chính, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, lãi hoặc lỗ khác và thuế thu nhập doanh nghiệp.

Do trong kỳ công ty chủ yếu hoạt động sản xuất kinh doanh trong nước nên báo cáo bộ phận về lợi nhuận thuần chủ yếu theo lĩnh vực kinh doanh như sau:

Chỉ tiêu	Bán hàng hoá	Cung cấp dịch vụ	Tổng cộng
Doanh thu thuần	18.772.554.760	13.962.800.000	32.735.354.760
Giá vốn	17.887.674.510	168.100.000	18.055.774.510
Lợi nhuận gộp	884.880.250	13.794.700.000	14.679.580.250

3. THÔNG TIN SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 và Báo cáo tài chính riêng cho giai đoạn 6 tháng đầu năm 2019 đã được Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) kiểm toán và soát xét.

Người lập biểu



Lê Trí Hoàng Uyên

Kế toán trưởng



Hoàng Thị Minh Châu

Lập, ngày 03 tháng 08 năm 2020

Đại diện pháp luật



Nguyễn Hồ Nam